

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/KDTM-ST
Ngày: 27-5-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Ngọc Liêm;
2. Ông Ngô Văn Mừng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2021/TLST- DS ngày 03 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty M; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1946; địa chỉ cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; người đại diện theo ủy quyền: 1) Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1948; địa chỉ cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (Van bản ủy quyền ngày 24/02/2021); có mặt; 2) Bà Lâm Thị Tuyết N, sinh năm: 1990; địa chỉ cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (Van bản ủy quyền ngày 13/5/2021); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm: 1961; địa chỉ cư trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty M trình bày: Công ty M bắt đầu mua bán

phân bón với bà Lê Thị T từ năm 2007 cho đến nay theo hình thức. Công ty giao phân bón cho bà T và bà T trả tiền, quá trình mua bán công ty giao hàng theo từng phiếu đặt hàng của bà T với hình thức nhận hàng trước trả tiền sau lần lượt kế tiếp. Từ ngày 14/7/2005 đến ngày 4/12/2009 công ty bán cho bà T 07 toa hàng tổng cộng số tiền 3.187.103.000đồng. Do bà T chậm trả tiền nên công ty không giao hàng nữa mà tiếp tục thu tiền. Đến ngày 01/8/2011 bà nợ vốn 3.187.103.000đồng, thời điểm này công ty có đến nhà của bà T thỏa thuận bà T giao 02 công đất trị giá 1.100.000.000đồng; bà T bảo công ty bớt số tiền vốn 587.103.000đồng và trả số tiền còn lại 1.500.000.000 đồng và sẽ trả dứt điểm trong vòng 12 tháng, công ty có kêu bà T cứ trả đúng như lời hứa thì giảm số tiền xuống nếu không đúng thì không giảm sẽ tính lãi 1,5%/ tháng ngay ngày thỏa thuận. Bà T đồng ý và có ghi vào sổ cái của công ty. Đến ngày 31/8/2019 bà T có ký vào bảng đối chiếu công nợ 4.055.086.000đồng (trong đó nợ gốc 2.087.103.000đồng, lãi 2.304.934.000đồng, tổng cộng 4.392.370.000đồng), (tính lãi từ ngày 01/8/2008 đến ngày 31/8/2019 lãi suất 1,5%/ tháng), bà T có trả 336.954.400đồng. Công ty có cử nhân viên liên hệ thường xuyên với bà Lê Thị T yêu cầu bà có nghĩa vụ thanh toán trả cho công ty số tiền 4.055.086.000đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 01/9/2019 cho đến khi xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T và bà Lâm Thị Tuyết N là người đại diện của nguyên đơn xác định số tiền số tiền 4.055.086.000đồng bà T có trả tiền vốn là 336.954.000đồng cho nên xác định số tiền 4.055.086.000đồng theo văn bản đối chiếu công nợ ngày 31/8/2019, trong đó tiền vốn còn là 1.750.149.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị T không gửi ý kiến cho Tòa án về việc khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự và Điều 306 Luật thương mại, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M; Buộc bà Lê Thị T có nghĩa vụ cho Công ty M, số nợ là 4.055.086.000đồng; tính lãi 1,5%/tháng, đối với số tiền vốn 1.750.149.000đồng, kể từ ngày 01/9/2018 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo văn bản hợp đồng kinh tế các bên thỏa thuận nếu có tranh chấp xảy ra do Tòa án kinh tế tỉnh An Giang giải quyết. Việc thỏa thuận này của các bên giao dịch là trái với quy định của pháp luật tố tụng dân

sự; trong quá trình giải quyết, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang giải quyết tranh chấp cho nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới tiếp tục giải quyết vụ án là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Công ty M khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị T trả số tiền nợ mua thuốc bảo vệ thực vật về để bán lại cho người khác, Tòa án đã thực hiện thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự “Tranh chấp về hợp đồng dân sự, mua bán tài sản”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử đã ghi nhầm quan hệ tranh chấp là “tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập được chứng cứ chứng minh bà T có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Do xác định đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận cho nên Tòa án chuyển sang vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại, cụ thể là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Đồng thời, bà T có nơi trú trên địa bàn huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Bà Lê Thị T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty M với bà Lê Thị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và được thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lê Thị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng, nên Công ty M khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị T trả tiền hàng còn thiếu theo văn bản đối chiếu nợ đến ngày 31/8/2019 số tiền 4.055.086.000đồng. Căn cứ 430, 440 Bộ luật dân sự, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về tính lãi phát sinh: Theo hợp đồng kinh tế các bên thỏa thuận lãi suất chậm trả trong thời hạn 02 tháng mức lãi là 1,8%/tháng và lãi suất chậm trả phát sinh mức lãi là 3%/tháng; nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu tính lãi mức lãi suất là 1,5%/tháng (=18%/năm), tính từ ngày đối chiếu công nợ ngày 31/8/2019 cho đến khi xét xử. Xét thấy tiền lãi nguyên đơn yêu cầu thấp hơn mức thỏa thuận của các bên. Căn cứ Điều 306 Luật thương mại được hướng dẫn tại Điều 11 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận và tính lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

[6] Tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 01/9/2019 đến ngày 27/5/2021 là 635 ngày, tiền lãi được tính là: $1.750.149.000\text{đồng} \times 1,5\% \text{ tháng (tương đương } 18\%/năm) \times 635 \text{ ngày} = 548.060.000\text{đồng}$.

[7] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 30, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự;

Điều 306 Luật thương mại;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M.

1) Buộc bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho Công ty M số tiền vốn gốc còn nợ là 1.750.149.000đồng (Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu một trăm bốn mươi chín nghìn đồng); tiền lãi đến ngày 31/8/2019 là 2.304.937.000đồng (Bằng chữ: Hai tỷ ba trăm lẻ bốn triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử là 548.060.000đồng (Bằng chữ: Năm trăm trăm bốn mươi tám triệu không trăm trăm sáu mươi nghìn đồng);

2) Kể từ ngày 28/5/2021 bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho Công ty M số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 18%/năm cho đến khi thi hành án xong.

3) Về án phí:

Bà Lê Thị T phải chịu án phí sơ thẩm là 112.603.000đồng (Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu sáu trăm lẻ ba nghìn đồng);

Công ty M không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 56.027.000đồng (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu không trăm hai mươi bảy nghìn đồng) tạm nộp án phí theo biên lai thu số 0006025 ngày 03/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

4) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;

- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng